TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 497/2026/DS-PT
Ngày: 09 - 6 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng.

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Bà Lâm Ngọc Tuyền.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Lưu Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm T - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 04, 09 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 110/2026/TLPT-DS ngày 03 tháng 3 năm 2026 về "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 209/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 824/2026/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Duy K, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Ngô Quốc T1, sinh năm 2002; địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn "được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 13/5/2026"; có mặt ngày 04/6/2026.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn S, sinh năm 1950; địa chỉ: Ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Chị Nguyễn Thị Huyền T2, sinh năm 1989; địa chỉ: số I, đường T, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ hiện

nay: 168, đường N, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn "được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 03/6/2026"; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1953; địa chỉ: Ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.3. Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ: Ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Quốc K1 - Chủ tịch Ủy ban nhân xã L; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Duy K, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Nguyễn Duy K, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 18/11/2021 âm lịch, anh K có cho ông S vay số tiền 2.500.000.000 đồng, có lập "Biên nhận cho mượn tiền" cùng ngày, nội dung biên nhận do anh K viết, ông S kiểm tra lại, đã nhận đủ tiền, ký tên và ghi họ tên vào biên nhận để xác nhận nợ, cho vay không tính lãi do anh K là bạn của anh Lê Lâm T3 con ông S, thời hạn vay 01 năm. Đến hạn ông S không trả mà kéo dài cho đến nay.

Trước khi nộp đơn khởi kiện ông S tại Tòa án, do phát hiện ông S cùng vợ là bà Nguyễn Thị H có ý định tặng cho thửa đất số 114, tờ bản đồ số 15, diện tích 4.791,6m^2 tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông S đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Lê Thị Tuyết M nên anh K có yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản là thửa đất của ông S nhưng do anh K chậm nộp tiền bảo đảm theo yêu cầu của Tòa án nên ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị H đã tặng cho thửa đất cho chị Lê Thị Tuyết M, hợp đồng tặng cho được Ủy ban nhân dân xã M chứng thực số 171, Quyển số 01/2024-SCT/HĐ.GD ngày 10/4/2024. Thửa đất số 114 đã tặng cho chị M là tài sản duy nhất của ông S, việc ông S tặng cho thửa đất cho con gái là chị M trong thời gian anh K khởi kiện yêu cầu ông S trả số tiền 2.500.000.000 đồng và có yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản đối với thửa đất là có dấu hiệu của hành vi tẩu tán tài sản nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ trả tiền của ông S cho anh K.

Nay anh K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ngày 29/3/2024 và yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 24/4/2024, yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn S phải có nghĩa vụ trả cho anh K số tiền 2.500.000.000 đồng theo biên nhận cho mượn tiền 18/11/2021 âm lịch; Yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng

đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giữa ông Lê Văn S, bà Nguyễn Thị H và chị Lê Thị Tuyết M được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang chứng thực số 171, Quyển số 01/2024-SCT/HĐ.GD ngày 10/4/2024 vô hiệu.

Đối với yêu cầu phản tố của ông S yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản số tiền 9.950.000 đồng do anh K yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của ông S không đúng và bồi thường tổn thất tinh thần cho ông S và bà H số tiền 23.400.000 đồng, anh K không đồng ý vì yêu cầu khởi kiện của anh K đối với ông S là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Anh K đồng ý với kết luận giám định số 3355/KL-KTHS ngày 06/8/2024 của Phân viện khoa học hình sự Bộ C tại Thành phố Hồ Chí Minh và kết luận giám định số 471/KL-KTHS ngày 31/12/2024 của V Bộ C. Do hiện nay cơ quan giám định cao nhất là V Bộ C cũng không giám định được tuổi mực nên kết luận giám định số 21/2025/TTTVGĐDS ngày 26/7/2025 của Trung tâm Tư vấn Giám định dân sự thuộc liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam chỉ có giá trị tham khảo.

Về chi phí tố tụng: Bao gồm chi phí giám định tại phân Viện khoa học hình sự của Bộ C để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của anh K là có căn cứ là 6.711.000 đồng, anh K đã tạm chi trước nên yêu cầu ông S phải hoàn trả lại.

Bị đơn Lê Văn S, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Giữa anh K và ông S không có quan hệ bà con thân thích, anh K là bạn của anh Lê Lâm T3, con trai ông S. Trước nay ông S không có vay tiền của anh K, cũng không biết vì sao có chữ ký, họ và tên của ông S trong biên nhận cho mượn tiền ngày 18/11/2021 âm lịch mà anh K đang khởi kiện. Nay ông S không đồng ý trả số tiền 2.500.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của anh K vì trước đến nay ông S không có vay mượn tiền hay ký nhận vay mượn tiền của anh K và cũng không có nhận tiền trên thực tế.

Đối với yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông S, bà H với chị M thì ông S không đồng ý vì việc tặng cho quyền sử dụng đất đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định và không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh K. Do ông S không có vay tiền của anh K nên việc anh K yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của ông S ở cơ quan thi hành án là không đúng quy định pháp luật gây thiệt hại tài sản cho ông S. Do yêu cầu khởi kiện trái pháp luật của anh K làm cho ông S và bà H phải lo lắng, đau buồn nên sinh bệnh, gây tổn thất tinh thần nên ông S phản tố yêu cầu anh K bồi thường thiệt hại tài sản cho ông S số tiền 9.950.000 đồng (110.500.000 đồng x 1%/tháng x 9 tháng) do yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của ông S ở cơ quan thi hành án là không đúng quy định pháp luật và bồi thường tổn thất tinh thần của ông S và bà H do hành vi khởi kiện trái luật của anh K làm ông S mất danh dự, đau buồn, sinh bệnh số tiền 23.400.000 đồng (2.340.000 đồng x 10 tháng) do yêu cầu khởi kiện trái pháp luật.

Ông S không có ý kiến đối với kết luận giám định số 3355/KL-KTHS ngày 06/8/2024 của Phân viện khoa học hình sự Bộ C tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ông S đồng ý với kết luận giám định số 471/KL-KTHS ngày 31/12/2024 của V Bộ C và kết luận giám định số 21/2025/TTTVGĐDS ngày 26/7/2025 của Trung tâm Tư vấn, Giám định dân sự thuộc Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

Về chi phí tố tụng: Bao gồm chi phí giám định tại V của Bộ C là 4.061.000 đồng và Trung tâm Tư vấn, Giám định dân sự thuộc Liên hiệp các hội Khoa học là 50.000.000 đồng để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của anh K là không có căn cứ, ông S đã tạm chi trước nên yêu cầu anh K phải hoàn trả lại 54.061.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H, người đại diện theo ủy quyền của bà H trình bày: Bà H thống nhất lời trình bày của ông Lê Văn S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Tuyết M trình bày: Chị M thống nhất lời trình bày của ông Lê Văn S. Trường hợp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu, chị M không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định pháp luật trong vụ án này.

Tại văn bản số 367/UBND-VP, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Đồng Tháp trình bày:

Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Đồng Tháp là đơn vị kế thừa chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang trước đây. Ngày 10/4/2024, Ủy ban nhân dân xã M có chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giữa ông Lê Văn S, bà Nguyễn Thị H và chị Lê Thị Tuyết M, chứng thực số 171, Quyển số 01/2024-SCT/HĐ.GD. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông S và chị M là phù hợp quy định pháp luật, các bên tự nguyện giao kết hợp đồng nên việc chứng thực của UBND xã M là đúng pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp giữa các bên theo quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 209/2025/DS-ST ngày 30/9/2025, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 463, 466, khoản 2 Điều 468, Điều 357, Điều 164, 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, 27 2024.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy K yêu cầu ông Lê Văn S trả số tiền 2.500.000.000 đồng theo biên nhận mượn tiền ngày 18/11/2021 âm lịch và yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giữa ông Lê Văn S, bà Nguyễn Thị H và chị Lê Thị Tuyết M đối với thửa đất số 114, tờ bản đồ số 15, diện tích 4.791,6m^2 được Ủy ban nhân dân xã M chứng thực số 171, Quyển số 01/2024-SCT/HĐ.GD ngày 10/4/2024.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Văn S yêu cầu anh Nguyễn Duy K bồi thường tổn thất tinh thần số tiền 23.340.000 đồng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lê Văn S yêu cầu anh Nguyễn Duy K bồi thường thiệt hại tài sản. Buộc anh Nguyễn Duy K phải bồi thường cho ông Lê Văn S số tiền 9.950.000 đồng.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc anh Nguyễn Duy K phải trả lại cho ông Lê Văn S số tiền 54.061.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 20/QĐ-BPKCTT ngày 12/12/2024 cho đến khi có quyết định khác thay thế.

6. Về án phí:

Anh Nguyễn Duy K phải chịu 82.797.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào 41.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002552 ngày 11/4/2024 và 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002622 ngày 25/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên còn phải chịu 41.497.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Văn S.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền và thời hạn kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 08/10/2025, nguyên đơn Nguyễn Duy K có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Duy K trình bày nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo. Anh K yêu cầu ông Lê Văn S có nghĩa vụ trả cho anh K số tiền 2.500.000.000 đồng theo biên nhận cho mượn tiền 18/11/2021 âm lịch; Yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giữa ông Lê Văn S, bà Nguyễn Thị H và chị Lê Thị Tuyết M được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang chứng thực số 171, Quyển số 01/2024-SCT/HĐ.GD ngày 10/4/2024 vô hiệu. Anh K không đồng ý bồi thường thiệt hại tài sản cho ông S số tiền 9.950.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Lê Văn S trình bày bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Duy K, vì không ai vay tiền lại ký tên trước ngày giao kết hợp đồng vay tiền và nhận tiền. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 20/QĐ-BPKCTT ngày 12/12/2024 của Tòa án cấp sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự và người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý phúc thẩm và xét xử. Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Duy K nộp trong thời hạn và đúng thủ tục nên hợp lệ.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Duy K, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 209/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Duy K nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ.

[2] Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, UBND xã L, bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định pháp luật.

[3] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Duy K yêu cầu ông Lê Văn S có nghĩa vụ trả cho anh K số tiền 2.500.000.000 đồng theo biên nhận cho mượn tiền 18/11/2021 âm lịch; Yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giữa ông Lê Văn S, bà Nguyễn Thị H và chị Lê Thị Tuyết M được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang chứng thực số 171, Quyển số 01/2024-SCT/HĐ.GD ngày 10/4/2024 vô hiệu. Anh K không đồng ý bồi thường thiệt hại tài sản cho ông S số tiền 9.950.000 đồng.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3.1] Anh Nguyễn Duy K khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn S có nghĩa vụ hoàn trả số tiền vay 2.500.000.000 đồng theo "Biên nhận cho mượn tiền" đề ngày 18/11/2021 âm lịch, có chữ ký, họ tên của ông Lê Văn S.

[3.2] Ông Lê Văn S không đồng ý hoàn trả số tiền 2.500.000.000 đồng theo yêu cầu của anh Nguyễn Duy K, lý do ông S không vay tiền của anh K, không ký nhận mượn tiền và cũng không có nhận tiền vay của anh K, nhưng ông S không biết lý do "Biên nhận cho mượn tiền" đề ngày 18/11/2021 âm lịch mà anh K giao nộp cho Tòa án có chữ ký và họ tên của ông S.

[3.3] Ngày 24/5/2024, anh Nguyễn Duy K có đơn yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết họ và tên ông Lê Văn S trong "biên nhận cho mượn tiền" ngày 18/11/2021 AL.

Tại kết luận giám định số: 3355/KL-KTHS ngày 06/8/2024 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, đã kết luận về đối tượng giám định: Chữ ký, chữ viết họ tên "Lê Văn S" dưới mục: "Người mượn tiền" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Văn S

dùng làm mẫu so sánh trên tài liệu ký hiệu từ M1 đến M11 là do cùng một người ký và viết ra.

[3.4] Ngày 07/10/2024, người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn S có đơn yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết họ và tên ông Lê Văn S trong "biên nhận cho mượn tiền" ngày 18/11/2021 AL với các chữ ký, chữ viết của ông Lê Văn S có trong hồ sơ vụ án và giám định tuổi mực giữa chữ ký, chữ viết của ông Lê Văn S dưới mục người mượn tiền so với các chữ viết còn lại trong biên nhận cho mượn tiền ngày 18/11/2021 âm lịch có cùng tuổi mực hay không.

Tại kết luận giám định số: 471/KL-KTHS ngày 31/12/2024 của V Bộ C, đã kết luận về đối tượng giám định:

1. Chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Văn S trong khung mực màu đỏ trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Lê Văn S trong khung mực màu xanh trên các mẫu ký hiệu từ M1 đến M11 do cùng một người ký và viết ra.

2. Chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Văn S trong khung mực màu đỏ so với các chữ viết còn lại trên mẫu cần giám định ký hiệu A không cùng màu mực.

3. V từ chối giám định tuổi mực của chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Văn S trong khung mực màu đỏ so với các chữ viết còn lại trên mẫu cần giám định ký hiệu A vì chưa giải quyết được yêu cầu về giám định tuổi mực của chữ ký, chữ viết trên tài liệu.

[3.5] Đến ngày 17/4/2025, người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn S có đơn yêu cầu trưng cầu giám định: Mực của chữ viết từ dòng thứ 1 đến dòng thứ 6, tính từ trên xuống trong phần nội dung của "Biên nhận cho mượn tiền" ngày 11/8/2021 âm lịch được viết trong thời gian nào và mực của chữ ký, chữ viết họ và tên ông Lê Văn S dưới mục người mượn tiền trong "Biên nhận mượn tiền" ngày 18/11/2021 âm lịch được viết trong thời gian nào.

Tại Bản giám định số: 21/2025/TTTVGĐDS ngày 26/7/2025 của Trung tâm Tư vấn, Giám định dân sự thuộc Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, đã kết luận:

1. Mực của chữ viết từ dòng thứ 1 đến dòng thứ 6, tính từ trên xuống trong phần nội dung của giấy "biên nhận cho mượn tiền" ngày 11/8/2021 AL **(A1)** được viết trong khoảng thời gian tháng 12 năm 2021 (sai số $^{+}$ 02 tháng).

2. Mực của chữ ký, chữ viết họ và tên Lê Văn S dưới mục "Người mượn tiền" trong giấy "Biên nhận cho mượn tiền" ngày 18/11/2021 AL **(A2)** được viết trong khoảng tháng 01 năm 2020 (sai số + 02 tháng).

[3.6] Ngoài ra tại thời điểm ngày 24/3/2023, Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy thụ lý vụ kiện tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông S và anh K có nội dung: Ông S trình bày vào khoảng tháng 8/2022, do con của ông S là anh Lê Lâm T3 làm ăn thất bại cần tiền để trả nợ nên có hỏi mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S đi cầm lấy tiền trả nợ nên ông S đồng ý cho mượn. Sau đó anh T3 có dẫn bạn là anh Nguyễn Duy K đến gặp ông S, lúc này anh K nói muốn vay thì phải làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử

dụng đất mới cho vay. Vì thấy anh T3 cần tiền gấp trả nợ nên ông S đồng ý làm hợp đồng chuyển nhượng cho anh K thửa đất số 114, tờ bản đồ số 15, diện tích 4.791,6m^2 tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang với mục đích để vay số tiền 500.000.000 đồng. Thửa đất này được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03553 ngày 09/6/2021 cho ông Lê Văn S (đã tặng cho bà M trong vụ kiện đang tranh chấp). Quá trình giải quyết vụ án ông S và anh K thỏa thuận được toàn bộ vụ án theo hướng: Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Văn S và anh Nguyễn Duy K ngày 26/8/2022 đối với thửa đất số 114, tờ bản đồ số 15, diện tích 4.791,6m^2 là vô hiệu. Ông Lê Văn S có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Duy K số tiền vay 500.000.000 đồng và 41.750.000 đồng tiền lãi. Tại thời điểm này biên nhận cho mượn tiền giữa ông S và anh K (đang tranh chấp) cũng đã quá hạn trả lại theo thỏa thuận nhưng anh K cũng không tranh chấp hay yêu cầu.

[3.7] Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy chữ ký, chữ viết họ tên Lê Văn S dưới mục người mượn tiền trong "Biên nhận cho mượn tiền" đề ngày 18/11/2021 âm lịch đúng là của ông Lê Văn S; nhưng chữ ký, chữ viết họ và tên ông Lê Văn S trong khung mực màu đỏ so với các chữ viết còn lại trên mẫu cần giám định ký hiệu A không cùng màu mực; đồng thời mực của chữ ký, chữ viết họ và tên ông Lê Văn S dưới mục người mượn tiền trong biên nhận mượn tiền ngày 18/11/2021 âm lịch (A2) được viết trong khoảng thời gian tháng 01/2020 (sai số + 02 tháng), trong khi đó mực của chữ viết từ dòng thứ 1 đến dòng thứ 6, tính từ trên xuống trong phần nội dung của giấy mượn tiền ngày 11/8/2021 âm lịch (A1) được viết trong khoảng thời gian tháng 12/2021 (sai số + 02 tháng) là không phù hợp về mặt thời gian của hợp đồng vay tài sản được giao kết ngày 11/8/2021 âm lịch, cũng như đã giao nhận tiền vào ngày này. Mặt khác nội dung biên nhận chỉ ghi nhận cho ông S mượn tiền mà không xác định được mục đích cho mượn tiền để làm gì trong khi ông S là người cao tuổi, không có sản xuất kinh doanh, không có quan hệ bà con, không tính lãi, không có tài sản đảm bảo là không phù hợp với giao dịch dân sự trong thực tế, ông S không thừa nhận có mượn của anh K số tiền 2.500.000.000 đồng, ông S có yêu cầu đối chất với anh K nhưng anh K từ chối, không đáp ứng yêu cầu của ông S, chứng tỏ đã nhận thức được sự bất lợi nếu nguồn chứng cứ do bị đơn cung cấp có giá trị chứng minh nên lời trình bày của ông S là có cơ sở. Do vậy việc anh K trình bày vào ngày 18/11/2021 âm lịch, anh K có cho ông S vay số tiền 2.500.000.000 đồng, có lập "Biên nhận cho mượn tiền" cùng ngày, nội dung biên nhận do anh K viết, ông S kiểm tra lại, đã nhận đủ tiền, ký tên và ghi họ tên vào biên nhận để xác nhận nợ và anh K đã căn cứ vào chữ ký, chữ viết họ tên của ông Lê Văn S trong "Biên nhận cho mượn tiền" ngày 18/11/2021 âm lịch để xác định vào ngày 18/11/2021 âm lịch, anh K có cho ông S vay số tiền 2.500.000.000 đồng là chưa phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án như đã nhận định trên nên việc anh K yêu cầu ông S trả số tiền 2.500.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[3.8] Do không chấp nhận yêu cầu của anh K về việc yêu cầu ông S hoàn trả số tiền 2.500.000.000 đồng nên việc anh K yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giữa

ông Lê Văn S, bà Nguyễn Thị H và chị Lê Thị Tuyết M đối với thửa đất số 114, tờ bản đồ số 15, diện tích 4.791,6m^2 được Ủy ban nhân dân xã M chứng thực số 171, Quyển số 01/2024-SCT/HĐ.GD ngày 10/4/2024 vô hiệu do nhằm tẩu tán tài sản nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ trả tiền là không có căn cứ chấp nhận.

[3.9] Do không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh K đối với ông S nên ông S phản tố yêu cầu anh K bồi thường thiệt hại số tiền 9.950.000 đồng do yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không đúng pháp luật là có cơ sở.

[3.10] Anh Nguyễn Duy K kháng cáo yêu cầu ông Lê Văn S có nghĩa vụ trả cho anh K số tiền 2.500.000.000 đồng theo biên nhận cho mượn tiền 18/11/2021 âm lịch; Yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giữa ông Lê Văn S, bà Nguyễn Thị H và chị Lê Thị Tuyết M được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang chứng thực số 171, Quyển số 01/2024-SCT/HĐ.GD ngày 10/4/2024 vô hiệu. Anh K không đồng ý bồi thường thiệt hại tài sản cho ông S số tiền 9.950.000 đồng, nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới so với quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm nên kháng cáo của anh K không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Do không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Duy K nên không tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 20/QĐ-BPKCTT ngày 12/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp. Đương sự làm thủ tục hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Duy K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Những ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Duy K, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 209/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp do phù hợp như đã nhận định trên nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[7] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Duy K.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 209/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy K yêu cầu ông Lê Văn S trả số tiền 2.500.000.000 đồng theo biên nhận mượn tiền ngày 18/11/2021 âm lịch và yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giữa ông Lê Văn S, bà Nguyễn Thị H và chị Lê Thị Tuyết M đối với thửa đất số 114, tờ bản đồ số 15, diện tích 4.791,6m^2 được Ủy ban nhân dân xã M chứng thực số 171, Quyển số 01/2024-SCT/HĐ.GD ngày 10/4/2024.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lê Văn S yêu cầu anh Nguyễn Duy K bồi thường thiệt hại tài sản. Buộc anh Nguyễn Duy K phải bồi thường cho ông Lê Văn S số tiền 9.950.000 đồng.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc anh Nguyễn Duy K phải trả lại cho ông Lê Văn S số tiền 54.061.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 20/QĐ-BPKCTT ngày 12/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp, đương sự có liên quan yêu cầu hủy bỏ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Về án phí sơ thẩm:

Anh Nguyễn Duy K phải chịu 82.797.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm; được trừ vào 41.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002552 ngày 11/4/2024 và 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002622 ngày 25/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Đồng Tháp) nên còn phải chịu 41.497.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Văn S.

6. Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Duy K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0003915 ngày 08/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

7. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực 4 - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS KV4;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Hạnh)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hằng